

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 18 - 3 - 2021

V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Liêu Bích Nga

Ông Trần Thanh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Yến, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Thân - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh A, sinh năm 1991; Địa chỉ: Ấp M, xã N, thành phố O, tỉnh Bạc Liêu (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Chị B, sinh năm 1986; Địa chỉ: đường P, Khóm Q, Phường R, thành phố S, Đài Loan (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 05/5/2020 và biên bản lấy lời khai ngày 25/5/2020, nguyên đơn anh A trình bày: Anh và chị B tự nguyện kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố O và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24/4/2019. Sau khi kết hôn anh chị có chung sống với nhau trong thời gian ngắn, chị B có làm thủ tục bảo lãnh anh A sang Đài Loan nhưng thủ tục bảo lãnh không được, vợ chồng ít liên lạc với nhau, mỗi người ở một nơi nên tình cảm vợ chồng không còn. Nay anh A yêu cầu được ly hôn với chị B.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung vợ chồng không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Anh A có đơn xin vắng mặt trong các buổi làm việc, hòa giải và các phiên xét xử của Tòa án.

- Đối với bị đơn chị B: Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã thực hiện ủy thác tư pháp tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án không nhận được văn bản trả lời của chị B về những vấn đề có liên quan đến quan hệ hôn nhân giữa anh A và chị B, ngoài ra, chị B cũng không về Việt Nam tham gia phiên hòa giải, phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

+ Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Quá trình giải quyết Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng theo quy định. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

+ Về nội dung vụ án: Anh A và chị B kết hôn, có đăng ký kết hôn và được Ủy nhân dân thành phố O cấp giấy chứng nhận kết ngày 24/4/2019 là hoàn toàn tự nguyện, do đó, hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo pháp luật Việt Nam. Sau khi kết hôn anh chị có chung sống với nhau trong thời gian ngắn, chị B có làm thủ tục bảo lãnh anh A sang Đài Loan nhưng thủ tục bảo lãnh không được, vợ chồng ít liên lạc với nhau, mỗi người ở một nơi nên tình cảm vợ chồng không còn. Nay anh A yêu cầu ly hôn, nên giải quyết cho anh chị ly hôn là có căn cứ, phù hợp pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh A, xử cho anh A được ly hôn với chị B. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị B là người nước ngoài, có quốc tịch Đài Loan và đang cư trú tại địa chỉ: đường P, Khóm Q, Phường R, thành phố S, Đài Loan, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã thực hiện ủy thác tư pháp tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hòa giải, triệu tập xét xử đối với chị B theo quy định của pháp luật nhưng không nhận được ý kiến phản hồi của chị B và chị B cũng không về Việt Nam tham gia phiên hòa giải, phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án, nên căn cứ khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với chị B.

[4] Đối với nguyên đơn anh A, ngày 08/12/2020 anh A đã có đơn xin xét xử vắng mặt, xét thấy, đơn xin xét xử vắng mặt của anh A là phù hợp với quy định pháp luật, nên căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với anh A. Do vụ án vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo đúng quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về nội dung vụ án: Xét quan hệ hôn nhân giữa anh A và chị B, anh A xác định anh và chị B tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật Việt Nam và căn cứ giấy chứng nhận kết hôn do Ủy nhân dân thành phố O cấp giấy chứng nhận kết ngày 24/4/2019 nên đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa anh A và chị B là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật Việt Nam bảo vệ. Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai của anh A có cơ sở xác định, sau khi kết hôn anh A và chị B chỉ chung sống với nhau trong một thời gian ngắn thì chị B về Đài Loan, anh chị ít liên lạc với nhau, cả hai đã không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và đến nay chị B không sang Việt Nam. Nay anh A xác định hôn nhân của anh và chị B không thể hàn gắn để chung sống với nhau được nữa và yêu cầu ly hôn. Đối với chị B được tổng đạt văn bản tố tụng theo phương thức ủy thác tư pháp, Tòa án không nhận được văn bản nêu ý kiến của chị B đối với yêu cầu xin ly hôn của anh A.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy, theo Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*, theo đó thì giữa anh A và chị B đã không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, hiện nay anh A và chị B không còn liên lạc với nhau, làm cho hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thực hiện được do mỗi người ở một nơi và không thể đoàn tụ. Do đó, có căn cứ chấp nhận đơn khởi kiện của anh A, cho anh A được ly hôn với chị B.

[7] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Theo anh A xác định anh A và chị B không có con chung, tài sản chung và nợ chung, khi ly hôn anh A không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí và lệ phí ủy thác tư pháp: Án phí dân sự sơ thẩm và lệ phí ủy thác tư pháp, anh A phải chịu toàn bộ theo quy định của pháp luật.

[9] Xét ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh A và xử cho anh A được ly hôn chị B; Về con chung, tài sản chung và nợ chung anh A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết; Án phí và lệ phí ủy thác tư pháp anh A phải chịu toàn bộ. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 273; Điều 280; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 474; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 122, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh A với chị B.

Xử cho anh A được ly hôn với chị B.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh A và chị B không có con chung, tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

3. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Anh A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), anh A đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu số 0014824 ngày 08/05/2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí toàn bộ.

4. Lệ phí ủy thác tư pháp: Anh A phải chịu lệ phí ủy thác tư pháp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng), anh A đã nộp 200.000 đồng theo Biên lai thu số 0014859 ngày 18/5/2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu không được hoàn lại.

Án xử sơ thẩm công khai, anh A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; chị B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- UBND tp. Bạc Liêu;
- Cục THADS tỉnh Bạc Liêu;
- Dương sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên và đóng dấu

Châu Minh Nguyệt